

Trung Trác, ngày 16 tháng 09 năm 2024

Số: 294/QĐ - UBND

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố khai số liệu quyết toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của xã Trung Trác

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRẠC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2016;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;
Căn cứ Quyết định số 4968/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Văn Lâm về việc giao dự toán thu - chi NSNN năm 2024;
Căn cứ vào nghị quyết số 60/NQ - HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã về dự toán ngân sách xã năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ - UBND ngày 29/12/2024 của UBND xã Trung Trác về việc giao dự toán thu - chi NSNN năm 2024;
Xét đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã Trung Trác.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố khai số quyết toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của xã Trung Trác như sau:

- Căn đối Quyết toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 - Biểu số 113/CK TC - NSNN.

- Quyết toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 - Biểu số 114/CK TC - NSNN.

- Quyết toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 - Biểu số 115/CK TC - NSNN.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Công khai bằng hình thức: niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất trong thời hạn 30

ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, công
thông tin điện tử xã.
Điều 3. Văn phòng UBND xã, tài chính xã, ban ngành liên quan căn cứ thực
hiện quyết định này. *vn*

- Nơi nhận:**
- Thường trực UBND xã;
 - Ban thường vụ;
 - Ban chấp hành đảng ủy;
 - Thường trực UBND xã;
 - Đài truyền thanh xã;
 - Công thông tin điện tử;
 - Lưu VT. *vn*

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Châu

Lê Ngọc Tuấn

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÀN		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
	TỔNG SỐ	XDCB	TỔNG SỐ	XDCB	TỔNG SỐ	XDCB
Trong đó:						
Chi giao dịch						
Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ						
Chi y tế	30.000		40.310		134,37	
Chi văn hóa, thông tin	50.000		462.736	246.495	925,47	432,48
Chi phát thanh, truyền thanh	48.000		11.772		24,53	
Chi thể dục, thể thao	50.000		50.000			
Chi bảo vệ môi trường	50.000		50.000			
Chi các hoạt động kinh tế	100.000		14.517		14,52	
Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.657.434		5.028.970	1.000.000	88,89	71,22
Chi cho công tác xã hội	201.500		104.094		51,66	
Chi khác						
Dự phòng	2.186.164		2.186.164			
Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau						
TỔNG CHI	8.373.098		5.662.399	1.246.495	67,63	52,74
B	1	2	3	4	5	6
	7=4/1	8=5/2	9=6/3			

ƯỚC THỨC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

T	NỘI DUNG	DỰ TOÀN NĂM			ƯỚC THỨC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	5 = 3/1	6 = 4/2	
T	Tổng số thu	109.308.208.000	109.308.208.000	19.806.170.418	19.806.170.418			5 = 3/1	6 = 4/2	
1	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	96.364.349.000	96.364.349.000	6.375.112.588	6.375.112.588					
1	Các khoản thu phân chia	850.000.000	850.000.000	521.557.018	521.557.018					
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	800.000.000	800.000.000	352.078.924	352.078.924					
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình									
3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh									
4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	50.000.000	50.000.000	116.828.094	116.828.094					
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	95.514.349.000	95.514.349.000	5.853.565.570	5.853.565.570					
1	Thu tiền sử dụng đất	92.464.349.000	92.464.349.000	2.746.344.300	2.746.344.300					
2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	2.100.000.000	2.100.000.000	1.577.039.845	1.577.039.845					
3	Thuế tài nguyên									
4	Thuế giá trị gia tăng									
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp									
6	Thuế thu nhập cá nhân	950.000.000	950.000.000	1.124.212.973	1.124.212.973					
T	NỘI DUNG	DỰ TOÀN NĂM			ƯỚC THỨC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	5 = 3/1	6 = 4/2	
7	Thuế tiêu thụ đặc biệt									
11	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)									
V	Thu chuyển nguồn	9.000.000.000	9.000.000.000	10.915.871.300	10.915.871.300					
/	Thu kết dư ngân sách năm trước									
T	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.798.857.000	3.798.857.000	1.945.000.000	1.945.000.000					
T	Thu bổ sung cân đối	3.798.857.000	3.798.857.000	1.920.000.000	1.920.000.000					
T	Thu bổ sung có mục tiêu			25.000.000	25.000.000					

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÀN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SỐ SẴNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	109.248.206.000	19.806.170.418	18,13
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	85.000.000	570.186.530	670,81
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	96.364.349.000	6.375.112.588	6,62
3	Thu bổ sung	3.798.857.000	1.945.000.000	51,20
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.798.857.000	1.920.000.000	50,54
	- Bổ sung có mục tiêu		25.000.000	
4	Thu chuyển nguồn	9.000.000.000	10.915.871.300	121,29
II	TỔNG SỐ CHI	5.985.434.000	5.662.399.015	94,60
1	Chi đầu tư phát triển		1.246.495.000	
2	Chi thường xuyên	5.985.434.000	4.415.904.015	73,78
3	Dự phòng			

Chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.